

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN ĐỒ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN ĐỒ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400860437

**3. Ngày thành lập:** 26/03/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 33, ngõ 46 đường Lương Văn Năm, Phường Đình Kế, Thành phố Bắc Giang,  
Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0972097032

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4101        |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4102        |
| 3.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4212        |
| 4.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4222        |
| 5.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4229        |
| 6.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4299        |
| 7.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4311        |
| 8.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4312        |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4321        |
| 10. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4322        |
| 11. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4329        |
| 12. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4330        |
| 13. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4390        |
| 14. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Lập quy hoạch xây dựng; Lập dự án đầu tư xây dựng; Khảo sát địa hình phục vụ cho việc nghiên cứu lập quy hoạch và các nhu cầu về xây dựng khác, thiết kế kỹ thuật; Lập dự toán công trình; Tư vấn đấu thầu; Tư vấn thẩm định, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán các công trình xây dựng; Tư vấn thẩm tra quyết toán công trình; Tư vấn giám sát thi công xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật. | 7110(Chính) |
| 15. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7490        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: HOÀNG VĂN NGỌC

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 27/09/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 122047056

Ngày cấp: 31/07/2010

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Vạn Thạch, Xã Hoàng Vân, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Vạn Thạch, Xã Hoàng Vân, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: HOÀNG VĂN NGỌC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 27/09/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 122047056

Ngày cấp: 31/07/2010

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Vạn Thạch, Xã Hoàng Vân, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Vạn Thạch, Xã Hoàng Vân, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang